

Số: 215/QĐ-CĐBP

Bình Phước, ngày 24 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình đào tạo ngành Trung cấp Cắt gọt kim loại

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2022 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Bình Phước, ban hành theo Quyết định số 13/QĐ-CĐBP ngày 02/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Phước;

Căn cứ biên bản cuộc họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Trung cấp Cắt gọt kim loại của trường Cao đẳng Bình Phước;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo, Nghiên cứu khoa học và Hợp tác Quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành Trung cấp Cắt gọt kim loại gồm: Chương trình khung và chương trình chi tiết giảng dạy tại trường Cao đẳng Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu, các phòng, khoa, bộ môn trong nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH(để đăng ký);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu VT.



Hà Văn Kiên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH PHƯỚC



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH CẮT GỌT KIM LOẠI
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**

Mã ngành: 5520121

*(Ban hành kèm theo quyết định số 215/QĐ-CĐBP ngày 24/ 6/2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Phước)*

Bình Phước, tháng 6 năm 2022



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo quyết định số 215/QĐ-CĐBP ngày 24 tháng 6 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bình Phước)

Tên ngành, nghề: **Cắt Gọt Kim Loại**

Mã ngành, nghề: **5520121**

Trình độ đào tạo: **Trung cấp**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp THCS trở lên

Thời gian đào tạo: 2 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

- Chính trị, đạo đức, nghề nghiệp:

+ Có kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về mục tiêu và đường lối cách mạng của Đảng và Nhà nước;

+ Nắm được cơ bản quyền, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân.

+ Có ý thức nghề nghiệp, kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc công nghiệp; có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;

+ Có trách nhiệm, thái độ ứng xử tốt, giải quyết các vấn đề về nghiệp vụ một cách hợp lý;

+ Thể hiện ý thức tích cực học tập rèn luyện để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp;

+ Có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của sản xuất.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có kiến thức, kỹ năng về thể dục, thể thao cần thiết;

+ Nắm được phương pháp tập luyện nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập và lao động sản xuất;

+ Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quốc phòng - An ninh, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:

+ Phân tích được bản vẽ chi tiết gia công và bản vẽ lắp;

+ Trình bày được tính chất cơ lý của các loại vật liệu thông dụng dùng trong ngành cơ khí và các phương pháp xử lý nhiệt;

+ Giải thích được hệ thống dung sai lắp ghép theo TCVN 2244 - 2245;

+ Phân tích được độ chính xác gia công và phương pháp đạt độ chính xác gia công;

+ Giải thích được cấu tạo, nguyên lý làm việc, phương pháp đo, đọc, hiệu chỉnh, bảo quản các loại dụng cụ đo cần thiết của nghề;

- + Trình bày được nguyên lý hoạt động, công dụng của động cơ điện không đồng bộ ba pha, phương pháp sử dụng một số loại khí cụ điện đơn giản dùng trong máy cắt kim loại;
- + Trình bày được nguyên tắc, trình tự chuẩn bị phục vụ cho quá trình sản xuất;
- + Phân tích được quy trình vận hành, thao tác, bảo dưỡng, vệ sinh công nghiệp các máy gia công cắt gọt của ngành;
- + Trình bày được phương pháp gia công cắt gọt theo từng công nghệ, các dạng sai hỏng, nguyên nhân, biện pháp khắc phục;
- + Phân tích được quy trình vận hành, điều chỉnh khi gia công trên các máy công cụ điều khiển số (tiện phay CNC);
- + Giải thích được ý nghĩa, trách nhiệm, quyền lợi của người lao động đối với công tác phòng chống tai nạn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ, sơ cứu thương nhằm tránh gây những tổn thất cho con người và cho sản xuất và các biện pháp nhằm giảm cường độ lao động, tăng năng suất;
- + Có khả năng tiếp tục học tập lên cao.
- Kỹ năng:
 - + Vẽ được bản vẽ chi tiết gia công và bản vẽ lắp;
 - + Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp;
 - + Sử dụng thành thạo các trang thiết bị, dụng cụ cắt cầm tay;
 - + Sử dụng thành thạo các loại dụng cụ đo thông dụng và phổ biến của nghề;
 - + Sử dụng thành thạo các loại máy công cụ để gia công các loại chi tiết máy thông dụng và cơ bản đạt cấp chính xác từ cấp 8 đến cấp 10, độ nhám từ Rz20 đến Ra5, đạt yêu cầu kỹ thuật, đúng thời gian đã định, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và máy.
 - + Có khả năng vận hành, điều chỉnh máy gia công những công nghệ phức tạp (khi được thợ bậc cao hoặc cán bộ kỹ thuật trong phân xưởng, nhà máy hướng dẫn phương pháp gia công) đạt cấp chính xác từ cấp 9 đến cấp 11, độ nhám từ Rz20 đến Ra5, đạt yêu cầu kỹ thuật, đúng thời gian đã định, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và máy;
 - + Phát hiện và sửa chữa được các sai hỏng thông thường của máy, đồ gá và vật gia công;
 - + Chế tạo và mài được các dụng cụ cắt đơn giản;
 - + Vận hành và điều chỉnh được các máy công cụ điều khiển số (tiện phay CNC) để gia công các loại chi tiết máy đạt cấp chính xác từ cấp 8 đến cấp 10, độ nhám từ Rz20 đến Ra5, đạt yêu cầu kỹ thuật, đúng thời gian đã định, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và máy.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- + Trực tiếp gia công trên các máy công cụ phổ biến, thông dụng của nghề và máy phay, tiện CNC;
- + Cán bộ kỹ thuật trong phân xưởng, nhà máy, công ty có liên quan đến ngành cơ khí;
- + Tổ trưởng sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, kinh doanh các sản phẩm cơ khí;

- + Có khả năng tự tạo việc làm;
- + Có khả năng tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian toàn khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 38
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 77 Tín chỉ (tương đương 1700 giờ)
- Khối lượng các môn học chung: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1445 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 478 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1130 giờ

3. Nội dung chương trình:

| Mã MH, MĐ | Tên môn học, mô đun | Số Tín chỉ | Thời gian của môn học, mô đun (giờ) | | | |
|--------------|--|------------------|--|--------------|--------------|-------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành | Kiểm tra |
| I | Các môn học chung | | | | | |
| MH1.T | Giáo dục Chính trị | 2 | 30 | 15 | 13 | 2 |
| MH2.T | Pháp luật | 1 | 15 | 9 | 5 | 1 |
| MH3.T | Giáo dục thể chất | 1 | 30 | 4 | 24 | 2 |
| MH4.T | Giáo dục quốc phòng - An ninh | 2 | 45 | 21 | 21 | 3 |
| MH5.T | Tin học | 2 | 45 | 15 | 29 | 1 |
| MH6.T | Tiếng anh | 4 | 90 | 30 | 56 | 4 |
| II | Các môn học, mô đun chuyên môn | | | | | |
| II.1 | Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở | | | | | |
| MH7.TCG | Kỹ năng mềm | 2 | 30 | 9 | 20 | 1 |
| MH8.TCG | Vẽ kỹ thuật | 2 | 60 | 20 | 36 | 4 |
| MH9.TCG | AUTOCAD | 2 | 45 | 16 | 27 | 2 |
| MH10.TCG | Cơ kỹ thuật | 2 | 45 | 32 | 11 | 2 |
| MH11.TCG | Dung sai - Đo lường kỹ thuật | 2 | 45 | 32 | 11 | 2 |
| MH12.TCG | Vật liệu cơ khí | 2 | 30 | 18 | 10 | 2 |
| MH13.TCG | Kỹ thuật điện | 2 | 30 | 16 | 12 | 2 |
| MH14.TCG | Kỹ thuật an toàn – Môi trường công nghiệp | 2 | 30 | 16 | 12 | 2 |
| MH15.TCG | Nguội cơ bản | 2 | 30 | 5 | 23 | 2 |
| II.2 | Các môn học, mô đun chuyên môn | | | | | |
| MĐ16.TCG | Tiện trụ ngắn, trụ bậc, tiện trụ dài $l \approx 10d$ | 2 | 60 | 20 | 36 | 4 |
| MĐ17.TCG | Tiện rãnh, cắt đứt | 2 | 30 | 8 | 20 | 2 |

| | | | | | | |
|-------------|--|-----------|-------------|------------|-------------|-----------|
| MĐ18.TCG | Tiện lỗ | 2 | 30 | 8 | 20 | 2 |
| MĐ19.TCG | Phay, bào mặt phẳng ngang, song song, vuông góc, nghiêng | 2 | 45 | 8 | 35 | 2 |
| MĐ20.TCG | Phay, bào mặt phẳng bậc | 2 | 30 | 8 | 20 | 2 |
| MĐ21.TCG | Phay, bào rãnh, cắt đứt | 2 | 30 | 8 | 20 | 2 |
| MĐ22.TCG | Tiện côn | 2 | 45 | 8 | 35 | 2 |
| MĐ23.TCG | Phay, bào rãnh chốt đuôi én | 2 | 45 | 8 | 35 | 2 |
| MĐ24.TCG | Tiện ren tam giác | 2 | 60 | 16 | 40 | 4 |
| MĐ25.TCG | Tiện ren vuông | 2 | 45 | 10 | 33 | 2 |
| MĐ26.TCG | Tiện ren thang | 2 | 45 | 8 | 35 | 2 |
| MĐ27.TCG | Phay đa giác | 2 | 45 | 10 | 33 | 2 |
| MĐ28.TCG | Phay bánh răng trụ răng thẳng | 2 | 60 | 8 | 48 | 4 |
| MĐ29.TCG | Phay bánh răng trụ răng nghiêng, rãnh xoắn | 2 | 60 | 12 | 44 | 4 |
| MĐ30.TCG | Tiện CNC cơ bản | 2 | 60 | 12 | 44 | 4 |
| MĐ31.TCG | Phay CNC cơ bản | 2 | 60 | 12 | 44 | 4 |
| MĐ32.TCG | Thực tập tốt nghiệp | 3 | 120 | 0 | 120 | BC |
| II.3 | Môn học, mô đun tự chọn (Đã chọn) | | | | | |
| MĐ33.TCG | Khí nén thủy lực | 2 | 60 | 16 | 40 | 4 |
| MĐ34.TCG | Điện cơ bản | 2 | 30 | 8 | 20 | 2 |
| MĐ35.TCG | Tiện lệch tâm, tiện định hình | 2 | 50 | 8 | 38 | 4 |
| MĐ36.TCG | Mài trụ ngoài, mài côn ngoài | 2 | 30 | 8 | 20 | 2 |
| MĐ37.TCG | Mài mặt phẳng | 2 | 30 | 8 | 20 | 2 |
| MĐ38.TCG | Phay thanh răng | 2 | 30 | 8 | 20 | 2 |
| | Tổng cộng | 77 | 1700 | 478 | 1130 | 92 |

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

4.1. Các môn học chung thực hiện theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

- Giáo dục Chính trị: Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018.
- Tin học: Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018.
- Giáo dục thể chất: Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018.
- Tiếng anh: thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019.
- Pháp luật: Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018.
- Giáo dục quốc phòng và an ninh: Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Tùy theo từng ngành, nghề các khoa xác định nội dung và thời gian hoạt động ngoại khóa cho phù hợp, nội dung thực hiện gồm:

| STT | Nội dung | Thời gian |
|-----|--------------------|--|
| 1 | Thể dục, thể thao: | 5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày |

| | | |
|---|---|---|
| 2 | Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể | Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần) |
| 3 | Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu | Tất cả các ngày làm việc trong tuần |
| 4 | Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể | Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật |
| 5 | Thăm quan, dã ngoại: | Mỗi học kỳ 1 lần |

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun cần được xác định và có hướng dẫn cụ thể từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

- Hình thức, thời gian kiểm tra thường xuyên: Giáo viên thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học tập, thời gian ≤ 30 phút.

- Hình thức kiểm tra định kỳ: Giáo viên thực hiện tại thời điểm quy định trong chương trình học, thời gian từ 45 phút đến 60 phút.

- Hình thức và thời gian thi, kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

+ Bài thi viết: Là bài thi tổng hợp kiến thức của môn học/môn đun, thời gian từ 60 phút đến 120 phút.

+ Bài thi thực hành: Là bài tổng hợp kỹ năng của môn học/mô đun, thời gian từ 2 giờ đến 4 giờ.

4.4. Thi tốt nghiệp:

| STT | Môn thi | Hình thức thi | Thời gian thi |
|-----|--------------------------------|----------------------------|-------------------|
| 1 | Chính trị | Thi viết | 90 phút |
| | | Thi trắc nghiệm | 45 phút ÷ 60 phút |
| 2 | Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp | Thi viết hoặc trắc nghiệm | ≤ 180 phút |
| 3 | Thực hành nghề nghiệp | Bài thi thực hành tổng hợp | 8 giờ ÷ 24 giờ |

Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng và công nhận danh hiệu bằng tốt nghiệp trung cấp theo quy định của trường.

4.5. Các chú ý khác:

- Có thể sử dụng một số mô đun đào tạo trong chương trình trên để xây dựng chương trình giáo dục nghề nghiệp (tùy theo nhu cầu của người học) nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp;
- Khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng từ chương trình này cần giảng dạy bổ sung những môn học, mô đun bắt buộc và một số môn học, mô đun tự chọn trong chương trình cao đẳng mà trong chương trình trung cấp chưa giảng dạy.

HIỆU TRƯỞNG



Hà Văn Kiên